| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CẨM MỸ**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/4/2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Tường Vy.

*Các Hội thẩm nhân dân*: + Bà Lữ Kim Hằng;

+ Bà Thái Thị Thủy Tiên.

***- Thư ký phiên tòa:*** bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** ông Nguyễn Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 475/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971; HKTT: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: ông Văn Bá M, sinh năm: 1984; địa chỉ: ấp A, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai. *(Vắng mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 18/10/2023, bản tự khai, biên bản công khai chứng cứ; đơn xin giải quyết vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày: bà Nguyễn Thị H và ông Văn Bá M đã tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/7/2012 tại UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai, đây là hôn nhân lần đầu của cả hai người.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Từ tháng 6/2022, được sự giúp đỡ của chị em bà có xây dựng được căn nhà, từ đó ông M không đưa tiền để lo cho vợ con nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Ông M cũng hay uống rượu về nhà đánh đập bà. Vì vậy, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Văn Bá M.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu Văn Bá Đ, sinh ngày:

26/01/2014, khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Đ và không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Bị đơn là ông Văn Bá M được Tòa án triệu tập làm việc nhưng không có mặt nên không có lời trình bày.

* Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ; tống đạt các văn bản pháp luật cho đương sự, gửi văn bản và hồ sơ cho VKS trong thời hạn quy định; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định; nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: theo lời trình bày của bà bà Nguyễn Thị H thì do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông M hay say xỉn và đánh đập bà. Bà thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông M. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần ông M lên làm việc, hòa giải. Tuy nhiên, ông M vẫn vắng mặt, cho thấy ông M không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Mặt khác, bà H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không thể kéo dài. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 53, 56 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: cho bà H được ly hôn với ông M.

Về con chung: bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Văn Bá Đ sau khi ly hôn, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Cháu Đ có nguyện vọng được ở với mẹ; hiện cháu Đ cũng đang sống cùng với bà H. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu nên không giải quyết; nợ chung: không có nên không giải quyết.

Về án phí: giải quyết theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện đối với ông Văn Bá M yêu cầu ly hôn và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung nên xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà H là nguyên đơn, ông M là bị đơn; ông M có nơi đăng ký thường trú tại huyện C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn

không có mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị H và ông Văn Bá M đăng ký kết hôn và được UBND xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 17/7/2012, nên hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H nhận thấy: theo bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống. Từ tháng 6/2022, ông M không đưa tiền để lo cho vợ con nên từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; ông M cũng hay uống rượu về nhà đánh đập bà. Vì vậy, hiện vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Văn Bá M. Việc bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản theo quy định pháp luật, ông M cũng đã nhận trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa nhưng cho đến nay ông M vẫn không có ý kiến về vấn đề trên, cũng như không tham gia bất cứ phiên họp, phiên tòa khi tòa án triệu tập. Như vậy, cho thấy ông M không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H, không mong muốn hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Với nhận định trên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông M đã thật sự mâu thuẫn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận cho bà H ly hôn với ông M.

- Về con chung: bà H yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Văn Bá Đ, sinh ngày: 26/01/2014, hiện cháu Đ đang ở cùng bà H, cháu Đ có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Đ cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: bà H không có yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm thời ông M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí: bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí theo quy định.

[4] Quan điểm đường lối giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Văn Bá M.

2. Về con chung: giao cháu Văn Bá Đ, sinh ngày: 26/01/2014 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: tạm thời ông Văn Bá M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ. Khi cần thiết, cha mẹ có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không ai yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí: bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000403 ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Quế, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Tường Vy**